284144.24

NGÂN HÀNG TMCP QUỐC TẾ VIỆT NAM

Số: 284144.24

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội

1. Tên tổ chức: NGÂN HÀNG TMCP QUỐC TẾ VIỆT NAM (VIB)
   Mã chứng khoán: VIB
   Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2 tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
   Điện thoại: (028) 62999039 Fax: (028) 62999040
   Email: congbothongtin@vib.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố
   Căn cứ Quyết định số 2616/QĐ-NHNN ngày 05.12.2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ghi nhận vốn điều lệ mới của VIB trên Giấy phép thành lập và hoạt động là 29.791.278.150.000 đồng và Nghị quyết Phiên họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 của VIB số 1.002.24.GSM ngày 11.06.2024, VIB đã tiến hành sửa đổi Điều lệ VIB theo số vốn điều lệ thực tế và ban hành Điều lệ vào ngày 10.12.2024.

3. Thông tin trên được công bố trên trang thông tin điện tử của VIB vào ngày 11.12.2024 tại đường dẫn: https://www.vib.com.vn/vn/nha-dau-tu/thong-tin-co-dong.

VIB cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

TUQ.Tổng Giám đốc
Người được ủy quyền công bố thông tin

M.S.D.N: 0100233488 - C.T.C.P
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Minh Huệ

Tài liệu đính kèm:
- Điều lệ Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam hiệu lực ngày 10.12.2024.

1001.BOD.2024(2)

ĐIỀU LỆ

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Điều lệ số 1001.BOD Phiên bản 2024(2) quy định tổ chức và hoạt động của Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Tế Việt Nam (VIB) được Đại hội đồng cổ đông VIB thông qua ngày 11.06.2024 và có hiệu lực kể từ ngày 10.12.2024.

CHƯƠNG 1. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ, từ viết tắt

1. Trong Điều lệ này, những từ ngữ, từ viết tắt dưới đây được hiểu như sau.

(a) "Điều lệ" là Điều lệ của VIB.

(b) "NHNN" là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

(c) "ĐHĐCĐ" là Đại hội đồng Cổ đông của VIB.

(d) "BKS" là Ban kiểm soát của VIB.

(e) "HĐQT" là Hội đồng Quản trị của VIB.

(f) "ĐDPL" là người đại diện theo pháp luật của VIB.

(g) "TGĐ" là Tổng Giám đốc của VIB.

(h) "Người quản lý" là người quản lý của VIB, bao gồm Chủ tịch và thành viên khác của HĐQT, TGĐ, Phó TGĐ, Giám đốc Tài chính của VIB.

(i) "Người điều hành" là người điều hành của VIB, bao gồm TGĐ, Phó TGĐ, Giám đốc Tài chính, Giám đốc Khối/Ban, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh của VIB.

(j) "Vốn điều lệ" là vốn điều lệ của VIB, là tổng mệnh giá Cổ phần đã bán cho Cổ đông.

(k) "Cổ phần" là Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.

(l) "Cổ phiếu" là chứng chỉ do VIB phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số Cổ phần.

(m) "Cổ đông" là cổ đông của VIB, là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một Cổ phần.

(n) "Cổ đông Lớn" là Cổ đông sở hữu từ 05% số Cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của VIB, bao gồm cả số Cổ phần Cổ đông đó Sở hữu gián tiếp.

(o) "Người có liên quan" là người, bao gồm tổ chức và cá nhân, có liên quan của VIB theo quy định của pháp luật.

(p) "Người nội bộ của VIB" là Chủ tịch HĐQT, thành viên khác của HĐQT, ĐDPL, TGĐ, Phó TGĐ; Trưởng BKS và thành viên khác của BKS; Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng, thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin của VIB.

(q) "Địa chỉ liên lạc" là địa chỉ đăng ký trụ sở chính đối với tổ chức; địa chỉ thường trú hoặc nơi làm việc hoặc địa chỉ khác của cá nhân mà người đó đăng ký với VIB để làm địa chỉ liên lạc.

(r) "Luật Các TCTD" là Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 và các Luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

(s) "Giấy phép" bao gồm Giấy phép thành lập và hoạt động của VIB do NHNN cấp và văn bản của NHNN về sửa đổi, bổ sung Giấy phép.

(t) "Công ty con của VIB" là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây:

i. VIB hoặc VIB và Người có liên quan sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc trên 50% số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty đó;

ii. VIB có quyền bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) của công ty đó;

iii. VIB có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó;

iv. VIB hoặc VIB và Người có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của công ty đó.

(u) "Công ty liên kết của VIB" là công ty mà VIB hoặc VIB và Người có liên quan sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc trên 11% số cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con của VIB.

(v) "Công ty kiểm soát" là công ty sở hữu trực tiếp, gián tiếp trên 20% vốn điều lệ của một ngân hàng thương mại hoặc là công ty nắm quyền kiểm soát một ngân hàng thương mại hoặc là ngân hàng thương mại có công ty con, công ty liên kết.

(w) "Sở hữu gián tiếp" là việc tổ chức, cá nhân sở hữu vốn điều lệ thông qua ủy thác đầu tư hoặc thông qua doanh nghiệp mà tổ chức, cá nhân đó sở hữu trên 50% vốn điều lệ.

(x) "VSDC" là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

(y) "Nhà đầu tư chiến lược" là nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư chiến lược nước ngoài, Cổ đông chiến lược, Cổ đông chiến lược nước ngoài được ĐHĐCĐ lựa chọn phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Các từ ngữ, thuật ngữ, khái niệm chưa được định nghĩa trong Điều lệ sẽ được hiểu theo các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động

1. Tên Ngân hàng

(a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc Tế Việt Nam.

(b) Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: Viet Nam International Commercial Joint Stock Bank.

(c) Tên viết tắt bằng tiếng Việt: Ngân hàng Quốc Tế.

(d) Tên viết tắt bằng tiếng Anh: Vietnam International Bank (VIB).

2. VIB được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần có tư cách pháp nhân và tiến hành kinh doanh theo Điều lệ và pháp luật.

3. Trụ sở đăng ký của Ngân hàng

(a) Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2 Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

(b) Điện thoại: 028 6299 9039

(c) Fax: 028 6299 9040

(d) Mã Swift: VNIBVNVX

(e) E-mail: vib@vib.com.vn

(f) Website: www.vib.com.vn

4. VIB có thể thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp và các hình thức hiện diện thương mại khác ở trong nước và/hoặc nước ngoài để thực hiện các mục tiêu hoạt động của VIB phù hợp với quy định của pháp luật. Danh sách các chi nhánh của VIB theo Phụ lục 1 Điều lệ.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo quy định của Điều lệ, thời hạn hoạt động của VIB là 99 năm kể từ ngày 25.01.1996, ngày NHNN cấp Giấy phép thành lập và hoạt động cho VIB. Thời hạn hoạt động của VIB có thể được gia hạn theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Mục tiêu hoạt động

1. VIB xây dựng để trở thành một trong những ngân hàng luôn sáng tạo và hướng đến khách hàng nhất tại Việt Nam.

2. Mục tiêu chung là xây dựng VIB trở thành một ngân hàng thương mại cổ phần đa năng, lớn mạnh, có uy tín, có công nghệ hiện đại, quản lý rủi ro an toàn, phát triển ổn định và bền vững.

3. VIB xác định sứ mệnh bao gồm:

(a) Đối với khách hàng: Vượt trội trong việc cung cấp các giải pháp sáng tạo nhằm thỏa mãn tối đa nhu cầu khách hàng.

(b) Đối với nhân viên: Xây dựng văn hóa hiệu quả, tinh thần doanh nhân và môi trường làm việc chuyên nghiệp.

(c) Đối với Cổ đông: Mang lại các giá trị hấp dẫn và bền vững cho Cổ đông.

(d) Đối với cộng đồng: Đóng góp tích cực vào sự phát triển cộng đồng.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị, kiểm soát và điều hành

1. Cơ cấu tổ chức quản lý

(a) ĐHĐCĐ.

(b) HĐQT.

(c) BKS.

(d) TGĐ.

2. Cơ cấu tổ chức hoạt động của VIB bao gồm:

(a) Trụ sở chính (Hội sở).

(b) Các chi nhánh, phòng giao dịch.

(c) Công ty con.

3. Cơ cấu tổ chức của Trụ sở chính

(a) HĐQT.

(b) BKS.

(c) TGĐ.

(d) Các Khối, Ban, Trung tâm thuộc Trụ sở chính.

(e) Kiểm toán nội bộ.

Điều 5. Dấu của VIB

1. Dấu của VIB (hay Con dấu của VIB) bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. HĐQT quyết định các nội dung liên quan đến dấu được làm tại cơ sở khắc dấu, bao gồm số lượng, hình thức, nội dung dấu, việc quản lý, sử dụng và lưu giữ dấu của VIB.

3. TGĐ quyết định các nội dung liên quan đến dấu dưới hình thức chữ ký số, bao gồm số lượng, hình thức, nội dung chữ ký số, việc quản lý, sử dụng và lưu giữ chữ ký số của VIB, trừ trường hợp HĐQT có quyết định khác.

4. TGĐ quyết định loại dấu, số lượng, hình thức, nội dung dấu, việc quản lý, sử dụng và lưu giữ dấu của chi nhánh, phòng giao dịch của VIB.

5. VIB sử dụng dấu trong các giao dịch theo quy định của pháp luật và VIB.

Điều 6. Người đại diện theo pháp luật

1. TGĐ là người đại diện theo pháp luật của VIB. VIB phải thông báo cho NHNN về ĐDPL trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bầu, bổ nhiệm chức danh đảm nhiệm ĐDPL hoặc thay đổi ĐDPL.

2. ĐDPL là cá nhân đại diện cho VIB thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của VIB, đại diện cho VIB với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định

của pháp luật.

3. ĐDPL phải cư trú tại Việt Nam, trường hợp vắng mặt ở Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác là Người quản lý, Người điều hành đang cư trú tại Việt Nam để thực hiện quyền, nghĩa vụ của ĐDPL. Trường hợp này, ĐDPL vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định tại khoản này mà ĐDPL chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì Người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của ĐDPL trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi ĐDPL trở lại làm việc tại VIB hoặc cho đến khi HĐQT quyết định cử người khác làm ĐDPL.
4. Trường hợp ĐDPL vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của ĐDPL hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì HĐQT cử người khác làm ĐDPL.
5. Trách nhiệm của ĐDPL:

(a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của VIB.

(b) Trung thành với lợi ích của VIB; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của VIB để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

(c) Chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho VIB do vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều này.

(d) Các trách nhiệm khác theo quy định VIB và pháp luật.

Điều 7. Nội dung hoạt động được phép của VIB

Nội dung hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác của VIB được ghi trong Giấy phép hoặc văn bản khác do NHNN cấp cho VIB.

Điều 8. Giao dịch điện tử trong hoạt động của VIB

1. Hoạt động của VIB được thực hiện bằng phương tiện điện tử theo quy định của Thống đốc NHNN, quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. VIB phải bảo đảm an toàn và bảo mật giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng theo quy định của Thống đốc NHNN và quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

Điều 9. Hoạt động ngân hàng của VIB

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi.
3. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:

(a) Cho vay;

(b) Chiết khấu, tái chiết khấu;

(c) Bảo lãnh ngân hàng;

(d) Phát hành thẻ tín dụng;

(e) Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế;

(f) Thư tín dụng;

(g) Mua, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp dưới hình thức cấp tín dụng;

(h) Hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của Thống đốc NHNN.

4. Mở các loại tài khoản thanh toán cho khách hàng.

5. Cung ứng các phương tiện thanh toán.

6. Cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản sau đây:

(a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, chuyển tiền, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;

(b) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản; dịch vụ thanh toán khác theo quy định của Thống đốc NHNN.

Điều 10. Vay, gửi tiền, mua, bán giấy tờ có giá của VIB

1. VIB được vay NHNN dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật NHNN.

2. VIB được mua, bán giấy tờ có giá với NHNN theo quy định của Luật NHNN.

3. VIB được cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Thống đốc NHNN.

4. VIB được vay nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Mở tài khoản của VIB

1. VIB phải mở tài khoản thanh toán tại NHNN và duy trì số tiền dự trữ bắt buộc trên tài khoản này.

2. VIB được mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.

3. VIB được mở tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

Điều 12. Tổ chức và tham gia hệ thống thanh toán của VIB

1. VIB được tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.

2. VIB được tham gia hệ thống thanh toán quốc tế khi đáp ứng điều kiện theo quy định của Chính phủ và được NHNN chấp thuận bằng văn bản.

Điều 13. Góp vốn, mua cổ phần

1. VIB chỉ được dùng Vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 8 Điều này.

2. VIB phải thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết khi thực hiện hoạt động kinh doanh sau đây:

(a) Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu;

(b) Cho thuê tài chính;

(c) Bảo hiểm.

3. VIB được thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.

4. VIB được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực sau đây:

(a) Bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng;

(b) Lĩnh vực khác không quy định tại điểm a khoản này sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản.

5. VIB thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản.

6. VIB phải tuân thủ quy định của Thống đốc NHNN về điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận đối với ngân hàng thương mại trong việc thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết và việc góp vốn, mua cổ phần; điều kiện tăng vốn tại công ty con, công ty liên kết; hoạt động của công ty con, công ty liên kết trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản.

7. VIB thành lập công ty con, công ty liên kết theo quy định của Luật Các TCTD và quy định khác của pháp luật có liên quan.

8. VIB, công ty con của VIB được mua, nắm giữ cổ phần của tổ chức tín dụng khác với điều kiện và trong giới hạn quy định của Thống đốc NHNN.

Điều 14. Kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối và sản phẩm phái sinh của VIB

1. VIB được kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm sau đây sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản:

(a) Ngoại hối;

(b) Phái sinh về lãi suất, ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác.

2. Việc kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối của VIB cho khách hàng thực hiện theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

Điều 15. Nghiệp vụ ủy thác và đại lý, giao đại lý của VIB

1. VIB được quyền ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong hoạt động ngân hàng, giao đại lý thanh toán theo quy định của Thống đốc NHNN.

2. VIB được thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, phù hợp với phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Thống đốc NHNN.

Điều 16. Các hoạt động kinh doanh khác của VIB

1. VIB được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây theo quy định của Thống đốc NHNN:

(a) Dịch vụ quản lý tiền mặt; dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;

(b) Cung ứng các dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ và các dịch vụ thanh toán khác không qua tài khoản;

(c) Mua, bán tín phiếu NHNN, trái phiếu doanh nghiệp; mua, bán giấy tờ có giá khác, trừ mua, bán giấy tờ có giá quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

(d) Dịch vụ môi giới tiền tệ;

(e) Kinh doanh vàng;

(f) Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán, thư tín dụng;

(g) Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép.

2. VIB được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây theo quy định của pháp luật có liên quan:

(a) Mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;

(b) Phát hành trái phiếu;

(c) Lưu ký chứng khoán;

(d) Nghiệp vụ ngân hàng giám sát;

(e) Đại lý quản lý tài sản bảo đảm cho bên cho vay là tổ chức tài chính quốc tế, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

(f) Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa;

(g) Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ;

(h) Ví điện tử;

(i) Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán.

3. VIB được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng ngoài các

hoạt động quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này theo quy định của Thống đốc NHNN, quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. VIB không được kinh doanh bất động sản, trừ các trường hợp sau đây:

(a) Mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của VIB;

(b) Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh thuộc sở hữu của VIB chưa sử dụng hết;

(c) Nắm giữ bất động sản do việc xử lý nợ. Trong thời hạn 05 năm kể từ ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, VIB phải bán, chuyển nhượng hoặc mua lại bất động sản này. Trường hợp mua lại bất động sản phải bảo đảm mục đích sử dụng quy định tại điểm a khoản này và tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định quy định tại khoản 3 Điều 58 Điều lệ.

Điều 17. Vốn điều lệ, Cổ phần

1. Vốn điều lệ của VIB là 29.791.278.150.000 đồng (Hai mươi chín nghìn bảy trăm chín mươi mốt tỷ hai trăm bảy mươi tám triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Tổng số Vốn điều lệ của VIB được chia thành 2.979.127.815 Cổ phần phổ thông với mệnh giá là 10.000 đồng/Cổ phần.

Vốn điều lệ được hạch toán bằng đồng Việt Nam.

2. VIB phải duy trì giá trị thực có của Vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định của ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật.

3. Vốn điều lệ được sử dụng vào các mục đích theo quy định của VIB phù hợp với quy định của pháp luật và NHNN.

4. Thay đổi Vốn điều lệ:

(a) Việc thay đổi Vốn điều lệ (tăng hoặc giảm) phải được ĐHĐCĐ thông qua và sau đó phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện.

(b) Trình tự, thủ tục thay đổi Vốn điều lệ thực hiện theo quy định của pháp luật.

(c) Sau khi thay đổi Vốn điều lệ, VIB phải sửa đổi Điều lệ theo Vốn điều lệ mới và gửi Điều lệ đã sửa đổi cho NHNN, công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

5. VIB có thể tăng thêm số lượng Cổ phần/Cổ phiếu được quyền chào bán và bán các Cổ phần/Cổ phiếu đó trong quá trình hoạt động để tăng Vốn điều lệ theo một trong các hình thức sau:

(a) Chào bán cho các Cổ đông hiện hữu.

(b) Chào bán ra công chúng.

(c) Chào bán riêng lẻ.

(d) Các hình thức chào bán, phát hành khác cho Cổ đông hiện hữu và các đối tượng khác theo quy định của pháp luật.

6. Các Cổ phần của VIB vào ngày thông qua Điều lệ này chỉ bao gồm Cổ phần phổ thông. VIB có thể phát hành các loại Cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ và phù hợp với các quy định của pháp luật. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông phổ đông và Cổ đông sở hữu Cổ phần ưu đãi theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

7. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các Cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu Cổ phần phổ thông của họ trong VIB, trừ trường hợp ĐHĐCĐ quyết định khác. Trường hợp, số Cổ phần dự kiến chào bán không được Cổ đông hoặc người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì HĐQT có quyền quyết định bán số Cổ phần được quyền chào bán còn lại cho Cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

8. Một Cổ đông hoặc Cổ đông và người có liên quan của Cổ đông đó không được sở hữu Cổ phần vượt quá tỉ lệ sở hữu Cổ phần theo quy định của Luật Các TCTD và Điều lệ.

   Kể từ ngày Điều lệ này có hiệu lực, Cổ đông, Cổ đông và người có liên quan sở hữu Cổ phần vượt tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại Điều 63 Luật Các TCTD được tiếp tục duy trì Cổ phần nhưng không được tăng thêm Cổ phần cho đến khi tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu Cổ phần theo quy định của Luật này, trừ trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu.

9. Tỷ lệ sở hữu tối đa Cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài là 4,99% Vốn điều lệ. Tỷ lệ này có thể được thay đổi theo quyết định của ĐHĐCĐ.

   Kể từ ngày Điều lệ này có hiệu lực, tỷ lệ sở hữu Cổ phần của các Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài tại VIB vượt tỷ lệ 4,99% Vốn điều lệ được tiếp tục duy trì, Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài sở hữu Cổ phần vượt tỷ lệ 4,99% Vốn điều lệ được tiếp tục duy trì Cổ phần và tỷ lệ Cổ phần, Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài chỉ được phép bán ra Cổ phần cho đến khi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại VIB bằng hoặc nhỏ hơn 4,99%, trừ trường hợp nhận cổ tức bằng Cổ phần hoặc mua Cổ phần trong đợt phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu hoặc VIB mua lại Cổ phần theo quy định pháp luật và Điều lệ.

Điều 18. Cổ phiếu

1. Cổ đông được cấp Cổ phiếu tương ứng với số Cổ phần và loại Cổ phần sở hữu.
2. Trường hợp Cổ phiếu được phát hành dưới hình thức chứng chỉ, theo yêu cầu của Cổ đông, VIB phải phát hành Cổ phiếu cho các Cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Cổ đông thanh toán đủ số tiền cam kết mua Cổ phần hoặc khi VIB hoàn tất việc phát hành Cổ phiếu thưởng để tăng Vốn điều lệ. Cổ đông không phải trả cho VIB chi phí in Cổ phiếu.
3. VIB có thể thay mặt Cổ đông quản lý Cổ phiếu theo yêu cầu của Cổ đông trừ trường hợp Cổ đông đã lưu ký Cổ phiếu tại VSDC theo quy định của pháp luật.
4. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức Cổ phiếu do lỗi của VIB thì quyền và lợi ích của Cổ đông sở hữu nó không bị ảnh hưởng. ĐDPL chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.
5. Trường hợp Cổ phiếu bằng chứng chỉ bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì Cổ đông được VIB cấp lại Cổ phiếu theo đề nghị. Đề nghị của Cổ đông phải bằng văn bản bao gồm tối thiểu các nội dung sau đây và được chứng thực chữ ký tại các Cơ quan có thẩm quyền:

(a) Thông tin về Cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác.

(b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại Cổ phiếu mới.

6. Cổ phiếu của VIB không được dùng làm tài sản bảo đảm tại VIB.
7. Trình tự, thủ tục xin tách hoặc gộp Cổ phiếu, đính chính thông tin trên Cổ phiếu do HĐQT quy định phù hợp với quy định của pháp luật trừ trường hợp Cổ phiếu đã được lưu ký tại VSDC.

Điều 19. Chuyển nhượng Cổ phần

1. Nội dung và thẩm quyền quyết định chuyển nhượng Cổ phần, quyền mua Cổ phần của Cổ đông thực hiện theo quy định của Luật Các TCTD và Điều lệ. Trình tự, thủ tục chuyển nhượng Cổ phần niêm yết, đăng ký giao dịch của VIB được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
2. Việc mua, nhận chuyển nhượng Cổ phần dẫn đến trở thành Cổ đông Lớn phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện. Cổ đông, người mua, nhận chuyển nhượng Cổ phần có trách nhiệm phối hợp với VIB thực hiện thủ tục xin chấp thuận đối với nội dung quy định tại khoản này.
3. VIB có trách nhiệm báo cáo kịp thời cho NHNN trong các trường hợp sau:

(a) Thay đổi về tổ chức, quản trị, điều hành, tình hình tài chính của Cổ đông Lớn. Cổ đông Lớn có trách nhiệm cung cấp thông tin kịp thời và phối hợp với VIB để báo cáo kịp thời cho NHNN đối với nội dung quy định tại điểm này.

(b) Mua, bán, chuyển nhượng Cổ phần của Cổ đông Lớn. Cổ đông Lớn có trách nhiệm cung cấp thông tin kịp thời và thực hiện các thủ tục có liên quan đồng thời phối hợp với VIB để báo cáo kịp thời cho NHNN đối với nội dung quy định tại điểm này.

4. Cổ đông là cá nhân, Cổ đông là tổ chức có người đại diện phần vốn góp tại VIB là thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGĐ không được chuyển nhượng Cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ. Người đại diện phần vốn góp quy định tại khoản này không bao gồm người đại diện phần vốn góp của Nhà nước tại VIB.

5. Trong thời gian đang xử lý hậu quả do trách nhiệm cá nhân theo nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ hoặc theo quyết định của NHNN, thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGĐ không được chuyển nhượng Cổ phần, trừ một trong các trường hợp sau đây:

(a) Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGĐ là đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật.

(b) Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGĐ bị buộc chuyển nhượng Cổ phần theo bản án, quyết định của Toà án đã có hiệu lực pháp luật.

(c) Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGĐ chuyển nhượng Cổ phần cho nhà đầu tư khác nhằm thực hiện phương án phục hồi, phương án chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp, phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.

Điều 20. Mua lại Cổ phần của Cổ đông

1. VIB chỉ được mua lại Cổ phần của Cổ đông nếu sau khi thanh toán hết số Cổ phần được mua lại mà vẫn bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng và giá trị thực của Vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định.

2. VIB có quyền mua lại Cổ phần theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

3. Cổ đông có quyền yêu cầu VIB mua lại Cổ phần theo các trường hợp pháp luật quy định.

Điều 21. Tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên BKS, Người quản lý và Người điều hành

1. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên BKS, Người quản lý và Người điều hành theo quy định của pháp luật và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của VIB.

2. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ, không cùng đảm nhiệm chức vụ theo quy định của pháp luật và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của VIB.

3. Những trường hợp đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định của pháp luật và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của VIB.

4. Việc đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên HĐQT, BKS và Người điều hành theo quy định của pháp luật và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của VIB.

Điều 22. Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên BKS, Người quản lý và Người điều hành

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ, nghị quyết và quyết định của ĐHĐCĐ.

2. Thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của VIB, Cổ đông.

3. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của VIB, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của VIB để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác làm tổn hại tới lợi ích của VIB, Cổ đông.

4. Người quản lý, Người điều hành chịu trách nhiệm trong việc chấp hành các quy định hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng của VIB theo quy định của Luật Các TCTD.

5. Bảo đảm lưu trữ hồ sơ của VIB để cung cấp được các số liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành, kiểm soát mọi hoạt động của VIB, hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm tra của NHNN.

6. Phải am hiểu về các loại rủi ro trong hoạt động của VIB.

7. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho VIB về quyền lợi của mình tại tổ chức khác, giao dịch với

tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của VIB và chỉ được tham gia vào giao dịch đó khi được HĐQT chấp thuận (đối với Người quản lý, Người điều hành) hoặc BKS chấp thuận (đối với thành viên BKS).

8. Không được tạo điều kiện để bản thân hoặc người có liên quan của mình vay vốn, sử dụng các dịch vụ ngân hàng khác của VIB với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của VIB.

9. Người quản lý, Người điều hành không được tăng thù lao, lương hoặc yêu cầu trả thưởng cho Người quản lý, Người điều hành khi VIB bị lỗ.

10. Người quản lý, Người điều hành trong phạm vi quyền, nghĩa vụ được giao, có trách nhiệm thực hiện yêu cầu bằng văn bản của NHNN đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của NHNN. Thực hiện khuyến nghị, cảnh báo rủi ro và an toàn hoạt động, cảnh báo nguy cơ dẫn đến vi phạm pháp luật về tiền tệ và ngân hàng; kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra.

11. Chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về những thiệt hại gây ra, chịu trách nhiệm cá nhân và/hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho VIB và bên thứ ba nếu vi phạm nghĩa vụ của mình.

12. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và VIB.

Điều 23. Cung cấp, công bố công khai thông tin của thành viên BKS, Người quản lý, Người điều hành và Cổ đông

1. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGĐ, Phó TGĐ phải cung cấp cho VIB các thông tin sau đây:

(a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình hoặc mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên;

(b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc);

(c) Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;

(d) Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.

2. Cổ đông sở hữu từ 01% Vốn điều lệ trở lên phải cung cấp cho VIB các thông tin sau đây:

(a) Họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp của Cổ đông là người nước ngoài; số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương của Cổ đông là tổ chức; ngày cấp, nơi cấp của giấy tờ này;

(b) Thông tin về người có liên quan theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

(c) Số lượng, tỷ lệ sở hữu Cổ phần của mình tại VIB;

(d) Số lượng, tỷ lệ sở hữu Cổ phần của người có liên quan của mình tại VIB.

3. Đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải gửi VIB bằng văn bản cung cấp thông tin lần đầu và khi có thay đổi các thông tin này trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin, trừ trường hợp pháp luật có quy định thời hạn khác ngắn hơn.

Đối với thông tin tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này, Cổ đông chỉ phải cung cấp thông tin cho VIB khi có mức thay đổi về tỷ lệ sở hữu Cổ phần của mình, tỷ lệ sở hữu Cổ phần của mình và người có liên quan từ 01% Vốn điều lệ trở lên so với lần cung cấp liền trước.

4. VIB phải niêm yết, lưu giữ thông tin quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này tại trụ sở chính của

VIB và gửi báo cáo bằng văn bản cho NHNN trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày VIB nhận được thông tin cung cấp. Định kỳ hằng năm, VIB công bố thông tin quy định tại các điểm a, b, d khoản 1 và các điểm a, c, d khoản 2 Điều này với ĐHĐCĐ.

5. VIB phải công bố công khai thông tin về họ và tên cá nhân, tên tổ chức là cổ đông sở hữu từ 01% Vốn điều lệ trở lên và thông tin quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này trên trang thông tin điện tử của VIB trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày VIB nhận được thông tin cung cấp.

6. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGĐ có trách nhiệm báo cáo HĐQT, BKS trong các trường hợp sau:

(a) Các giao dịch giữa VIB với công ty trong đó các đối tượng trên là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

(b) Các giao dịch giữa VIB với công ty trong đó người có liên quan của các đối tượng trên là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) hoặc cổ đông lớn.

7. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGĐ và Người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho HĐQT, BKS về các giao dịch giữa VIB, công ty con, công ty do VIB nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật.

8. Đối tượng cung cấp, công bố công khai thông tin cho VIB phải bảo đảm thông tin cung cấp, công bố công khai trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp, công bố công khai thông tin đó.

Điều 24. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ VIB

1. Cổ đông phổ thông có quyền trực tiếp hoặc bằng một văn bản yêu cầu, qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, xem xét, tra cứu, trích hoặc sao chụp: thông tin của mình trong danh sách Cổ đông mà VIB sẵn có, Điều lệ và các biên bản và nghị quyết của ĐHĐCĐ tại trụ sở chính của VIB (trong giờ làm việc) hoặc trên trang thông tin điện tử đã được VIB đăng như quy định tại khoản 5 Điều này. Yêu cầu của người được uỷ quyền phải được kèm theo bản gốc giấy uỷ quyền của Cổ đông và nhóm Cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao được công chứng, chứng thực của giấy uỷ quyền này.

2. Cổ đông phổ thông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% tổng số Cổ phần phổ thông trở lên có thêm quyền xem xét, tra cứu, trích lục biên bản và nghị quyết, quyết định của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của BKS, hợp đồng, giao dịch phải thông qua của HĐQT và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của VIB.

3. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGĐ, Phó TGĐ có quyền tra cứu Sổ Đăng ký Cổ đông, danh sách Cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của VIB vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. VIB sẽ phải lưu hồ sơ, tài liệu phát sinh trong quá trình hoạt động tại trụ sở chính hoặc địa điểm khác theo quy định của pháp luật và VIB.

5. Điều lệ, các biên bản và nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được ký ban hành và công bố trên trang thông tin điện tử của VIB, công bố thông tin theo quy định của pháp luật và VIB.

Điều 25. Hệ thống kiểm soát nội bộ

1. Hệ thống kiểm soát nội bộ của VIB là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của VIB và được tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro.

2. VIB phải xây dựng Hệ thống kiểm soát nội bộ để bảo đảm các yêu cầu sau:

(a) Hiệu quả và an toàn trong hoạt động; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;

(b) Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời;

(c) Tuân thủ pháp luật và các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ.

3. VIB xây dựng Hệ thống kiểm soát nội bộ và triển khai ứng dụng công nghệ trong hoạt động kiểm soát nội bộ theo quy định của Thống đốc NHNN.

CHƯƠNG 2. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 26. Cổ đông

1. Cổ đông là chủ sở hữu VIB và sẽ có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với số lượng Cổ phần họ sở hữu.

2. VIB phải có ít nhất 100 Cổ đông. Tổ chức và cá nhân nước ngoài được mua và sở hữu Cổ phần theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

3. Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức:

(a) Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh Cổ đông đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật và Điều lệ.

(b) Cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất 10% tổng số Cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện theo ủy quyền.

(c) Trường hợp Cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì Cổ đông phải xác định cụ thể số Cổ phần cho mỗi người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp Cổ đông không xác định số Cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số Cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông theo nguyên tắc làm tròn số.

(d) Việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông phải bằng văn bản, phải thông báo cho VIB. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

i. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Cổ đông.

ii. Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ Cổ phần tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền.

iii. Họ, tên, Địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác của từng người đại diện theo ủy quyền.

iv. Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được đại diện.

v. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của Cổ đông.

(e) Việc cử người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo cho VIB và chỉ có hiệu lực đối với VIB kể từ ngày VIB nhận được văn bản hợp pháp về việc cử người đại diện theo ủy quyền.

Việc chấm dứt người đại diện theo ủy quyền sẽ có hiệu lực kể từ ngày VIB nhận được thông báo bằng văn bản hợp pháp từ Cổ đông, trừ trường hợp chấm dứt ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ thực hiện theo quy định của VIB.

(f) Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

i. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ

ii. Không thuộc đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam.

iii. Cổ đông là doanh nghiệp nhà nước (được tổ chức quản lý dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trừ doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ) không được cử người có quan hệ gia đình của Người quản lý và của người có thẩm quyền bổ nhiệm Người quản lý làm đại diện tại VIB.

(g) Trách nhiệm của Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức

i. Người đại diện theo ủy quyền nhân danh Cổ đông thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Cổ đông tại ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật và Điều lệ. Mọi hạn chế của Cổ đông đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Cổ đông tương ứng tại ĐHĐCĐ đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba.

ii. Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ cuộc họp của ĐHĐCĐ; thực hiện các quyền và nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của Cổ đông cử đại diện.

iii. Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước Cổ đông cử đại diện do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này và pháp luật. Cổ đông cử đại diện chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.

4. Tất cả các thông báo, tài liệu, thông tin, trao đổi gửi tới Cổ đông (bao gồm cả thông báo mời họp ĐHĐCĐ, lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản) có thể được gửi thông qua một trong các phương thức sau: thư, thư điện tử, tin nhắn điện thoại, phương tiện điện tử, tổ chức lưu ký, bằng các phương thức/hình thức liên lạc khác phù hợp với quy định của pháp luật và quyết định của VIB.

Điều 27. Sổ đăng ký Cổ đông, Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán

1. VIB phải lập và lưu giữ Sổ đăng ký Cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đến khi Cổ phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC. Sổ đăng ký Cổ đông có thể là văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu Cổ phần của các Cổ đông. Sổ đăng ký Cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của VIB hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ Sổ đăng ký Cổ đông.

2. Cổ phiếu đã được đăng ký tập trung tại VSDC: VSDC lập và lưu giữ Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán đối với Cổ phiếu và thực hiện lập danh sách, tính toán và phân bổ quyền cho Cổ đông theo tỷ lệ do VIB thông báo. Chỉ những người có tên trên Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán lập tại ngày đăng ký cuối cùng theo thông báo của VIB mới được nhận các quyền phát sinh liên quan đến Cổ phiếu.

Điều 28. Quyền của Cổ đông phổ thông

1. Quyền được đối xử bình đẳng. Mỗi Cổ phần của cùng một loại đều tạo cho Cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp VIB có các loại Cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại Cổ phần ưu đãi phải được ĐHĐCĐ thông qua và công bố đầy đủ cho Cổ đông.

2. Tham dự và phát biểu ý kiến trong các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc theo hình thức khác do Điều lệ, Người triệu tập họp ĐHĐCĐ quy định. Mỗi Cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.

3. Nhận cổ tức, Cổ phiếu thưởng theo quyết định của ĐHĐCĐ.

4. Được ưu tiên mua Cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ Cổ phần phổ thông của từng Cổ đông trong VIB, trừ trường hợp ĐHĐCĐ quyết định khác.

5. Chuyển nhượng Cổ phần, quyền mua Cổ phần cho Cổ đông khác hoặc tổ chức, cá nhân khác theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, quy định của pháp luật và Điều lệ.

6. Xem, tra cứu, trích lục thông tin về tên và Địa chỉ liên lạc của mình trong danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết và trong danh sách Cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách này. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin, cập nhật thông tin Cổ đông trong danh sách Cổ đông thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ và HĐQT.

7. Xem, tra cứu, trích lục, sao chụp Điều lệ, biên bản họp ĐHĐCĐ và nghị quyết, quyết định của

ĐHĐCĐ.

8. Được chia phần tài sản còn lại tương ứng với số Cổ phần sở hữu khi VIB giải thể hoặc phá sản.
9. Ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình.
10. Ứng cử, đề cử người vào HĐQT, BKS theo quy định tại Điều lệ và VIB. Danh sách ứng cử viên phải được gửi đến HĐQT theo thời hạn do HĐQT quy định.
11. Cổ đông có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện nghị quyết do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ gây thiệt hại cho VIB.
12. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu trên 10% tổng số Cổ phần phổ thông có quyền yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ. Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải bằng văn bản và phải bao gồm họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng Cổ phần, tổng số Cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số Cổ phần, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ. Văn bản yêu cầu có đủ chữ ký của các Cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các Cổ đông có liên quan ghép lại.
13. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do VIB công bố theo quy định của pháp luật.
14. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

Điều 29. Nghĩa vụ của Cổ đông phổ thông

1. Tuân thủ Điều lệ và các quy định nội bộ của VIB; chấp hành nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.
2. Thanh toán đủ số tiền tương ứng với số Cổ phần đã cam kết mua trong thời hạn do VIB quy định.
3. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của VIB trong phạm vi vốn cổ phần đã góp vào VIB.
4. Không được rút vốn Cổ phần đã góp ra khỏi VIB dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm Vốn điều lệ, trừ trường hợp quy định tại Điều 65 Luật Các TCTD. Trường hợp có Cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn Cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì Cổ đông đó và thành viên HĐQT, ĐDPL và người có lợi ích liên quan trong VIB phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của VIB trong phạm vi giá trị Cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua, nhận chuyển nhượng Cổ phần tại VIB; không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng, nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để mua, nhận chuyển nhượng Cổ phần; không được góp vốn, mua Cổ phần dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật.
6. Không được nhân danh VIB dưới bất kỳ hình thức nào để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ tiến hành kinh doanh, giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
7. Bảo mật thông tin được VIB cung cấp theo quy định của pháp luật, Điều lệ và VIB; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; không được phát tán, sao, gửi thông tin được VIB cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
8. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua Cổ phần và khi có thay đổi thông tin Địa chỉ liên lạc.
9. Cổ đông Lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của VIB và của các Cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.
10. Cổ đông Lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

11. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp cho VIB thông tin về chủ sở hữu thực sự của số Cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư. VIB có quyền đình chỉ quyền Cổ đông của các Cổ đông nhận ủy thác đầu tư trong trường hợp Cổ đông này không cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ, không chính xác về chủ sở hữu thực sự các Cổ phần.
12. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

Điều 30. Đại hội đồng Cổ đông

1. ĐHĐCĐ bao gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của VIB. ĐHĐCĐ họp thường niên mỗi năm 01 lần. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và HĐQT có quyền quyết định gia hạn họp ĐHĐCĐ thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, ĐHĐCĐ có thể họp bất thường. Địa điểm họp ĐHĐCĐ được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tổ chức bằng hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp trực tuyến theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty của VIB.
2. HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. ĐHĐCĐ thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của VIB có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, VIB phải mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp ĐHĐCĐ thường niên. Thành viên HĐQT và thành viên BKS phải tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên để trả lời các câu hỏi của Cổ đông tại cuộc họp (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên HĐQT và thành viên BKS phải báo cáo bằng văn bản với HĐQT và BKS.
3. HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ họp bất thường trong các trường hợp sau:

(a) HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của VIB.

(b) Số thành viên HĐQT còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Các TCTD.

(c) Số thành viên BKS còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật Các TCTD.

(d) Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu trên 10% tổng số Cổ phần phổ thông.

(e) Theo yêu cầu của BKS.

(f) Quyết định nội dung theo yêu cầu của NHNN khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của VIB.

(g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

4. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b, c khoản 3 Điều này hoặc kể từ ngày nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này.
5. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, BKS thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật và VIB.
6. Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 5 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền đại diện VIB triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật và VIB.
7. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ được VIB hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
8. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy

quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 9 Điều này, việc ủy quyền dự họp thực hiện theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty của VIB.

9. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ theo một trong các trường hợp sau đây:

(a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.

(b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

(c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến/trực tiếp kết hợp với trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của VIB.

(d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, thư điện tử.

(e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của Người triệu tập họp ĐHĐCĐ.

Điều 31. Nhiệm vụ, quyền hạn của ĐHĐCĐ

1. Thông qua định hướng phát triển của VIB; kế hoạch kinh doanh hằng năm của VIB.
2. Thông qua Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ.
3. Thông qua quy định về tổ chức và hoạt động của HĐQT, BKS, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế tài chính của VIB.
4. Quyết định số lượng thành viên HĐQT, BKS từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên HĐQT, thành viên BKS phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật Các TCTD và VIB.
5. Quyết định mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS và ngân sách hoạt động của HĐQT, BKS.
6. Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của HĐQT, BKS gây thiệt hại cho VIB và Cổ đông.
7. Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý của VIB.
8. Thông qua phương án thay đổi mức Vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán, phát hành Cổ phần, bao gồm loại Cổ phần và số lượng Cổ phần mới sẽ chào bán.
9. Thông qua phương án mua lại Cổ phần đã bán.
10. Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền.
11. Thông qua phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm.
12. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của VIB.
13. Thông qua báo cáo của HĐQT, BKS về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
14. Quyết định thành lập hoặc chuyển đổi các hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài, công ty con của VIB.
15. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của VIB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị từ 20% Vốn điều lệ trở lên ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
16. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của VIB mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% Vốn điều lệ trở lên ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
17. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 20% Vốn điều lệ trở lên ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa VIB với thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGĐ, Cổ đông Lớn; người có liên quan của Người quản lý, thành viên BKS, Cổ đông Lớn; công ty con, công ty liên

kết của VIB, trừ trường hợp VIB đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc.

Người đại diện VIB ký hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm này phải thông báo cho HĐQT và BKS về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, Cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại Điều 35 Điều lệ.

18. Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản VIB.
19. Quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập quy định tại Điều 63 Điều lệ.
20. Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của VIB.
21. Thông qua việc niêm yết, giao dịch chứng khoán hoặc hủy bỏ niêm yết, giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài; niêm yết/hủy bỏ niêm yết Cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền tại thị trường trong nước.
22. Thông qua việc xuất toán nợ đã xử lý rủi ro ra khỏi ngoại bảng nếu sau thời gian tối thiểu 05 năm, kể từ ngày sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro và sau khi đã thực hiện tất cả các biện pháp để thu hồi nợ nhưng không thu hồi được.
23. Thông qua việc lựa chọn Nhà đầu tư chiến lược.
24. Thông qua việc thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở chính, gia hạn thời gian hoạt động, nội dung hoạt động, ngành nghề kinh doanh của VIB.
25. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.
26. Cổ đông không được tham gia biểu quyết trong các trường hợp sau đây:

(a) Thông qua các hợp đồng, giao dịch khác quy định tại khoản 17 Điều này.

(b) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

27. ĐHĐCĐ được ủy quyền cho HĐQT quyết định, thông qua những nội dung, vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 32. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp ĐHĐCĐ

1. HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc cuộc họp ĐHĐCĐ được triệu tập theo quy định Điều lệ và pháp luật.
2. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc sau đây:

(a) Lập danh sách Cổ đông có quyền dự họp. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ. Quy chế nội bộ về quản trị công ty của VIB quy định cụ thể về việc lập danh sách Cổ đông.

(b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ đông.

(c) Lập chương trình, nội dung cuộc họp.

(d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp.

(e) Dự thảo nghị quyết/quyết định ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS.

(f) Xác định thời gian và địa điểm họp.

(g) Gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ đến tất cả các Cổ đông trong danh sách Cổ đông có quyền dự họp. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được Địa chỉ liên lạc của Cổ đông.

(h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

3. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả Cổ đông trong danh sách Cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc. Việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của VIB.
4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% tổng số Cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến VIB chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ đông, số lượng từng loại Cổ phần của Cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Trường hợp người triệu tập họp ĐHĐCĐ từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

(a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này.

(b) Vào thời điểm kiến nghị, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% Cổ phần phổ thông trở lên.

(c) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ hoặc không phù hợp với lợi ích của VIB.

(d) Những vấn đề không phù hợp với quy định tại Điều lệ và/hoặc không phù hợp với các quy định của pháp luật.

(e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

6. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này. Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận.
7. HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ ít nhất 07 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để Cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của VIB theo đề nghị của HĐQT.

Điều 33. Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này trong vòng 90 phút kể từ thời điểm xác định khai mạc cuộc họp, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp HĐQT có quyết định khác. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được thông qua, quyết định tại cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất.
3. Trường hợp cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này trong vòng 90 phút kể từ thời điểm xác định khai mạc cuộc họp, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần hai, trừ trường hợp HĐQT có quyết định khác. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được thông qua, quyết định tại cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất và thứ hai.

Điều 34. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, VIB phải tiến hành thủ tục đăng ký Cổ đông dự họp ĐHĐCĐ.
2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

(a) Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ

do HĐQT triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng BKS điều hành để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

(b) Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều điều hành để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

(c) Chủ tọa có thể đề nghị ĐHĐCĐ bầu Đoàn Chủ tịch để cùng chủ tọa điều khiển đại hội.

(d) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký hoặc ban thư ký cuộc họp.

(e) ĐHĐCĐ bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được ĐHĐCĐ thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp ĐHĐCĐ một cách hợp lệ, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

5. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc trừ trường hợp pháp luật có quy định khác hoặc NHNN có hướng dẫn khác và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

(a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp.

(b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các Cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.

(c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp ĐHĐCĐ trái với quy định của pháp luật và Điều lệ, ĐHĐCĐ bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

6. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ có các quyền sau đây:

(a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác.

(b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.

7. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Cụ thể về thể thức tiến hành biểu quyết và kiểm phiếu thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty của VIB, thể lệ biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

8. Cuộc họp ĐHĐCĐ có thể thực hiện bằng hình thức trực tiếp, hoặc trực tuyến, hoặc trực tiếp kết hợp trực tuyến theo quy định của VIB.

Điều 35. Thông qua nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ

1. ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết, quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết, quyết định về nội dung quy định tại khoản 1, 4, 6, 18 Điều 31 Điều lệ phải được thông

qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4, 5, 6 Điều này, nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua khi được số Cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp chấp thuận hoặc khi được số Cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản.
4. Đối với nghị quyết, quyết định về nội dung quy định tại khoản 8, 16 Điều 31 thì phải được số Cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp chấp thuận hoặc khi được số Cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản.
5. Đối với nghị quyết, quyết định về nội dung quy định tại khoản 18 Điều 31 Điều lệ thì phải được số Cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp chấp thuận.
6. Việc bầu thành viên HĐQT và BKS phải được thực hiện dưới hình thức bầu dồn phiếu.

Điều 36. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của VIB. Việc lập danh sách Cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Điều lệ.
2. HĐQT phải chuẩn bị và gửi phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết/quyết định ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết/quyết định và gửi đến tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 32 Điều lệ.
3. HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của đại diện BKS hoặc của Cổ đông không phải là Người điều hành, nắm giữ chức vụ quản lý của VIB. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết/quyết định ĐHĐCĐ phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh nếu cần thiết. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết/quyết định được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

   Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các nghị quyết, quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
4. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết/quyết định của ĐHĐCĐ bằng tiếng Việt phải được gửi đến các Cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết/quyết định của ĐHĐCĐ có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của VIB.
5. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết/quyết định đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của VIB.
6. Nghị quyết, quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 37. Biên bản họp ĐHĐCĐ

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp và nghị quyết/quyết định ĐHĐCĐ phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh. Biên bản và nghị quyết/quyết định được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp ĐHĐCĐ bằng tiếng Việt phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp, được chủ tọa và thư ký cuộc họp ĐHĐCĐ ký tên. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản họp và nghị quyết/quyết định ĐHĐCĐ bằng tiếng Việt phải được gửi cho tất cả các Cổ đông theo phương thức như quy định tại khoản 4 Điều 26 Điều lệ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản họp và nghị quyết/quyết định ĐHĐCĐ có thể thay thế bằng việc công bố trên trang thông tin điện tử của VIB.
4. Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách Cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của Cổ đông (đối với hình thức họp ĐHĐCĐ trực tiếp), văn bản ủy quyền tham dự họp, nghị quyết, quyết định đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của VIB.

Điều 38. Hiệu lực các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ

1. Các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết, quyết định đó.
2. Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết, quyết định đó vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ.
3. Trường hợp có Cổ đông, nhóm Cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 39 Điều lệ, nghị quyết, quyết định đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết, quyết định đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 39. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày VIB công bố trên trang thông tin điện tử của VIB về nghị quyết, quyết định hoặc biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% tổng số Cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết, quyết định hoặc một phần nội dung nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật và Điều lệ, trừ trường hợp các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% số Cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Nội dung nghị quyết, quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ.

CHƯƠNG 3. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 40. Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT

1. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số Cổ phần phổ thông trở lên có quyền để cử người vào HĐQT như sau: Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 15% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên; từ 15% đến dưới 25% được đề cử tối đa 02 ứng viên; từ 25% đến dưới 35% được đề cử tối đa 03 ứng viên; từ 35% đến dưới 45% được đề cử tối đa 04 ứng viên; từ 45% đến dưới 55% được đề cử tối đa 05 ứng viên; từ 55% đến dưới 65% được đề cử tối đa 06 ứng viên; từ 65% đến dưới 75% được đề cử tối đa 07 ứng viên; và từ 75% đến 100% được đề cử tối đa 08 ứng viên.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên được Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nêu trên đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại được đề cử bởi các chủ thể theo thứ

tự ưu tiên sau: (i) HĐQT, (ii) BKS, (iii) các Cổ đông khác.

3. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 1, 2 Điều này HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên và việc giới thiệu này phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định pháp luật và VIB.
4. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, VIB phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của VIB để Cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của VIB nếu được bầu làm thành viên HĐQT.

   VIB phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới VIB của ứng cử viên HĐQT (nếu có).

Điều 41. HĐQT và cơ cấu HĐQT

1. HĐQT là cơ quan quản trị, có toàn quyền nhân danh VIB để quyết định, thực hiện các quyền, nghĩa vụ của VIB trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, BKS. Hoạt động kinh doanh và các công việc của VIB phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật và VIB. HĐQT phải chịu trách nhiệm trước Cổ đông về hoạt động của VIB; bảo đảm hoạt động của VIB phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của VIB. HĐQT thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do quy định về tổ chức và hoạt động của HĐQT quy định. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.
2. Quy định chi tiết về cuộc họp HĐQT, lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT, nội dung khác liên quan đến tổ chức, hoạt động của HĐQT được quy định tại quy định về tổ chức và hoạt động của HĐQT.
3. HĐQT sử dụng con dấu của VIB để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.
4. Nhiệm kỳ của HĐQT là 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
5. Cơ cấu HĐQT như sau:

(a) HĐQT gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch (trừ trường hợp HĐQT quyết định không bầu/bổ nhiệm Phó Chủ tịch), thành viên độc lập và thành viên khác của HĐQT.

(b) HĐQT phải có tối thiểu 05 thành viên và không quá 11 thành viên. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do ĐHĐCĐ quyết định. HĐQT phải có tối thiểu 02 thành viên độc lập, 2/3 tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là Người điều hành.

(c) Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện phần vốn góp của một Cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia HĐQT nhưng không được vượt quá 02 thành viên HĐQT, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, bên nhận chuyển giao bắt buộc.

6. Danh sách dự kiến những người được bầu làm thành viên HĐQT phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi bầu các chức danh này. Những người được bầu làm thành viên HĐQT phải thuộc danh sách đã được NHNN chấp thuận.
7. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó

mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số Cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và mỗi Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Thành viên độc lập HĐQT phải được bầu tách riêng với việc bầu thành viên HĐQT khác.

Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại thể lệ bầu cử của phiên họp ĐHĐCĐ.

8. HĐQT lựa chọn trong số các thành viên HĐQT để bầu Chủ tịch HĐQT và Phó Chủ tịch HĐQT. HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số.

9. Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

10. Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT và thành viên khác của HĐQT phải được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và quy định khác của VIB.

Hồ sơ, thủ tục chấp thuận danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT và thành viên khác của HĐQT và báo cáo việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, đương nhiên mất tư cách Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT và thành viên khác của HĐQT được thực hiện theo quy định của pháp luật và VIB.

VIB phải thông báo cho NHNN danh sách người được bầu, bổ nhiệm chức danh quy định tại Điều này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bầu, bổ nhiệm.

11. Thay đổi thành viên HĐQT

(a) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Chủ tịch HĐQT bị mất tư cách thành viên HĐQT, các thành viên HĐQT có trách nhiệm tổ chức họp HĐQT để bầu một thành viên (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật Các TCTD và Điều lệ) làm Chủ tịch HĐQT.

(b) Chủ tịch HĐQT muốn từ chức Chủ tịch phải có đơn xin từ chức gửi đến HĐQT. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn, HĐQT phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT hiện tại và bầu Chủ tịch HĐQT mới trong số các Thành viên HĐQT còn lại theo quy định của pháp luật. Việc từ chức sẽ không có hiệu lực cho tới khi HĐQT đã thông qua quyết định miễn nhiệm Chủ tịch.

(c) Thành viên HĐQT muốn từ chức phải có đơn xin từ chức gửi HĐQT và BKS để trình ĐHĐCĐ quyết định. Việc từ chức sẽ không có hiệu lực cho tới khi ĐHĐCĐ đã thông qua quyết định miễn nhiệm thành viên HĐQT. HĐQT có quyền quyết định việc dừng tham gia họp HĐQT và thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn khác của thành viên HĐQT có đơn xin từ chức cho đến khi việc từ chức được ĐHĐCĐ thông qua.

(d) Trường hợp HĐQT có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại điểm b khoản 4 Điều này, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, VIB phải bầu bổ sung bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp có quy định khác theo quyết định của NHNN.

(e) Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của ĐHĐCĐ sẽ bầu thành viên HĐQT mới để thay thế cho thành viên HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.

12. Những người được bầu, bổ nhiệm giữ chức Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT và thành viên khác

của HĐQT có trách nhiệm tiếp nhận và đảm nhiệm ngay công việc của chức danh được bầu. Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT và các thành viên khác của HĐQT hết nhiệm kỳ, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, đương nhiên mất tư cách có trách nhiệm bàn giao công việc cho Chủ tịch HĐQT và các thành viên khác của HĐQT mới được bầu, bổ nhiệm; đồng thời vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

13. HĐQT chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Luật Các TCTD và Điều lệ.

Điều 42. Nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT

1. Trình ĐHĐCĐ quyết định, thông qua nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 31 Điều lệ.
2. Quyết định thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của VIB.
3. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ chức vụ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh TGĐ, Phó TGĐ, Giám đốc Tài chính, Giám đốc Khối/Ban, kế toán trưởng, Người phụ trách quản trị công ty, thư ký/trợ lý HĐQT, thư ký công ty (nếu có) của VIB; Chủ tịch, Kiểm soát viên và Giám đốc công ty con; các chức danh khác theo quy định của pháp luật hoặc quy định của HĐQT.
4. Cử người đại diện vốn góp của VIB tại các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác; quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.
5. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán, chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của VIB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% Vốn điều lệ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
6. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của VIB mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% Vốn điều lệ trở lên ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.
7. Quyết định khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 136 của Luật Các TCTD, trừ hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.
8. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% Vốn điều lệ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa VIB với (i) thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGĐ, Cổ đông Lớn; (ii) người có liên quan của Người quản lý, thành viên BKS, Cổ đông Lớn; (iii) công ty con, công ty liên kết của VIB. Thông qua giao dịch giữa công ty con, công ty do VIB nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với Người quản lý, thành viên BKS hoặc với những người có liên quan của họ.

   Người đại diện VIB ký hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm này phải thông báo cho thành viên HĐQT, thành viên BKS về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch.

   HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Trong trường hợp này, thành viên HĐQT có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.
9. Thông qua khoản cấp tín dụng, hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% Vốn điều lệ trở lên ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; thông qua hoặc ủy quyền cho TGĐ quyết định các hợp đồng, giao dịch phục vụ hoạt động kinh doanh thông thường hằng ngày của VIB có giá trị từ 10% Vốn điều lệ trở lên ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
10. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo TGĐ, Phó TGĐ, Giám đốc Tài chính, Giám đốc Khối/Ban thực hiện nhiệm

vụ được phân công; định kỳ hằng năm đánh giá về hiệu quả làm việc của những nhân sự này.

11. Ban hành quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị, hoạt động của VIB phù hợp với quy định của Luật Các TCTD và quy định khác của pháp luật có liên quan, trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Ban hành chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp (trừ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp đối với thành viên BKS, kiểm toán viên nội bộ), quy định thẩm quyền quyết định mức bồi thường tổn thất do nguyên nhân chủ quan của cá nhân, tập thể gây ra, quy định về thẩm quyền thanh lý tài sản cố định của VIB; quyết định ban hành quy chế/quy định về công bố thông tin.
12. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của VIB.
13. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên.
14. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.
15. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của VIB.
16. Quyết định mua lại cổ phần của VIB theo phương án được ĐHĐCĐ duyệt.
17. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
18. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình ĐHĐCĐ quyết định, thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, trừ nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của BKS.
19. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT, chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ; triệu tập ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ.
20. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.
21. Thông báo kịp thời cho NHNN thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên HĐQT, BKS, TGĐ.
22. Quyết định cấu trúc tổ chức các Khối/Ban và các đơn vị tương đương tại trụ sở chính, cấu trúc quản lý và quy chế hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện; quyết định, thực hiện các vấn đề thuộc quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của chủ sở hữu, thành viên góp vốn tại các công ty con (bao gồm cả quyết định điều lệ, cơ cấu tổ chức), công ty liên kết của VIB.
23. Phê duyệt phương án hoạt động kinh doanh do TGĐ đề nghị.
24. Quyết định phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ, trái phiếu ra công chúng, trừ phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ; các khoản vay trung, dài hạn nước ngoài.
25. Quyết định lựa chọn đại diện của VIB để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với ĐDPL.
26. Quyết định khung giải pháp chiến lược phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.
27. Phê duyệt hoặc ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT phê duyệt chủ trương cung cấp sản phẩm mới, hoạt động trong thị trường mới trên cơ sở đề xuất của TGĐ.
28. Đối xử bình đẳng với tất cả Cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến VIB.
29. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của thành viên BKS, Người quản lý và Giám đốc Khối/Ban, bao gồm việc sử dụng tài sản VIB sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với người có liên quan.
30. HĐQT giám sát TGĐ đối với hoạt động kiểm soát nội bộ, trong việc:

(a) Tổ chức thực hiện hoạt động kiểm soát, vận hành và duy trì hệ thống thông tin quản lý và cơ chế trao đổi thông tin.

(b) Duy trì văn hóa kiểm soát và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp phù hợp với quy định pháp luật.

(c) Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về kiểm soát nội bộ theo yêu cầu, kiến nghị của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác.

(d) Xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm quy định nội bộ và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

(e) Các nội dung khác do HĐQT quy định.

31. HĐQT giám sát TGĐ đối với đánh giá nội bộ về mức đủ vốn, trong việc:

(a) Tổ chức thực hiện đánh giá nội bộ về mức đủ vốn.

(b) Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế của đánh giá nội bộ về mức đủ vốn theo yêu cầu, kiến nghị của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác.

(c) Các nội dung khác do HĐQT quy định.

32. HĐQT giám sát TGĐ đối với quản lý rủi ro trên cơ sở đề xuất, tham mưu của Ủy ban quản lý rủi ro, trong việc:

(a) Xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách quản lý rủi ro.

(b) Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về quản lý rủi ro theo các yêu cầu, kiến nghị của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác.

(c) Các nội dung khác do HĐQT quy định.

33. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn của VIB. Quyết định kế hoạch kinh doanh hằng năm của VIB để trình ĐHĐCĐ thông qua.

34. Thông qua phương án cơ cấu lại VIB gắn với xử lý nợ xấu theo yêu cầu của NHNN.

35. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định khác của VIB.

Điều 43. Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT

1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT.

2. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp HĐQT, lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp HĐQT hoặc lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT.

3. Thay mặt HĐQT ký văn bản thuộc thẩm quyền của HĐQT.

4. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT.

5. Giám sát, tổ chức giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT.

6. Làm chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ.

7. Bảo đảm thành viên HĐQT nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà HĐQT phải xem xét.

8. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên HĐQT.

9. Giám sát thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ được phân công.

10. Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của HĐQT thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.

11. Định kỳ hằng năm, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên HĐQT, các Ủy ban của HĐQT và báo cáo ĐHĐCĐ về kết quả đánh giá này.

12. Được yêu cầu TGĐ, cán bộ nhân viên VIB báo cáo các thông tin, tài liệu có liên quan đến VIB nhằm đảm bảo cho VIB hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả.

13. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và quy định của VIB.

14. Chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của VIB.

Điều 44. Quyền, nghĩa vụ của thành viên HĐQT

1. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên HĐQT theo đúng Điều lệ, quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, quy định nội bộ của VIB và sự phân công của Chủ tịch HĐQT một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của VIB và Cổ đông; phát huy tính độc lập của thành viên độc lập HĐQT trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của VIB.
2. Xem xét báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu Người điều hành, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình, làm rõ vấn đề có liên quan đến báo cáo.
3. Đề nghị Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT bất thường.
4. Tham dự cuộc họp HĐQT, thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp, biểu quyết bằng văn bản khi lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản về nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT, chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, ĐHĐCĐ và HĐQT về quyết định của mình.

   Trường hợp nội dung biểu quyết có xung đột lợi ích với thành viên nào thì thành viên đó không được tham gia biểu quyết.
5. Thành viên HĐQT không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp hoặc biểu quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản của HĐQT để quyết định nội dung quy định tại các khoản 1, 3, 5, 6, 7, 8, 9, 11, 12, 13 và 17 Điều 42 Điều lệ.
6. Thực hiện nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.
7. Giải trình trước ĐHĐCĐ, HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.
8. Báo cáo kịp thời và đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác.
9. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch Cổ phiếu theo quy định của pháp luật.
10. Yêu cầu TGĐ, Người điều hành khác và các đơn vị trong VIB cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của VIB và của các đơn vị trong VIB. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do cấp có thẩm quyền của VIB quy định trong từng thời kỳ.
11. Công khai, báo cáo các lợi ích có liên quan, danh sách người có liên quan cho VIB ngay khi được bầu làm thành viên HĐQT và ngay khi có thay đổi trong thời gian đương nhiệm, trừ trường hợp pháp luật và/hoặc Điều lệ quy định thời hạn thực hiện dài hơn nhưng phải bảo đảm công khai, báo cáo kịp thời cho VIB để VIB báo cáo và công bố thông tin đúng thời hạn và nội dung theo quy định của pháp luật.
12. Thành viên độc lập HĐQT phải lập báo cáo đánh giá hàng năm về hoạt động của HĐQT.
13. Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa VIB, công ty con, công ty do VIB nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa VIB với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
14. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và quy định của VIB.

Điều 45. Thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT (không tính các đại diện được ủy quyền của Cổ đông pháp nhân) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên HĐQT và tiền thưởng hằng năm hoặc thưởng theo nhiệm kỳ. Tổng mức thù lao và lợi ích khác của HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên. HĐQT quyết định mức thù lao và lợi ích khác cho từng thành viên. Thành viên độc lập của HĐQT không hưởng lương và thù lao thường xuyên của VIB ngoại trừ các khoản thù lao do HĐQT quyết định và tiền thưởng hằng năm hoặc thưởng theo nhiệm kỳ.
2. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các Ủy ban/Hội đồng của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác mà theo HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm

vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.

3. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT hoặc các Ủy ban/Hội đồng của HĐQT.
4. Thành viên HĐQT được VIB mua bảo hiểm trách nhiệm; bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ.
5. Thù lao của từng thành viên HĐQT phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hằng năm của VIB, phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.

Điều 46. Các Ủy ban/Hội đồng của HĐQT

1. HĐQT phải thành lập các Ủy ban để giúp HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó phải có Ủy ban Quản lý rủi ro và Ủy ban Nhân sự. HĐQT quyết định nhiệm vụ, quyền hạn của các Ủy ban này theo quy định của Thống đốc NHNN.
2. Ngoài các Ủy ban nêu tại khoản 1 Điều này, HĐQT có thể thành lập các Ủy ban/Hội đồng khác, nếu cần thiết và/hoặc theo quy định của pháp luật. HĐQT quy định tổ chức, hoạt động, nhiệm vụ, quyền hạn của các Ủy ban/Hội đồng phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 47. Bộ phận giúp việc HĐQT và Người phụ trách quản trị công ty

1. Bộ phận giúp việc HĐQT

   HĐQT có bộ phận giúp việc. Chức năng, nhiệm vụ của bộ phận giúp việc do HĐQT quy định. HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ chức vụ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với nhân sự thuộc bộ phận giúp việc.

2. Người phụ trách quản trị công ty

   HĐQT bổ nhiệm ít nhất 01 Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại VIB được tiến hành một cách có hiệu quả. Chức năng, nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty của VIB.

CHƯƠNG 4. BAN KIỂM SOÁT

Điều 48. Ứng cử, đề cử thành viên BKS

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên BKS được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 40 Điều lệ.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên được Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại được đề cử bởi các chủ thể theo thứ tự ưu tiên sau: (i) BKS, (ii) HĐQT, (iii) các Cổ đông khác.
3. Trường hợp số lượng ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên và việc giới thiệu này phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên BKS theo quy định pháp luật và VIB.

Điều 49. BKS và cơ cấu BKS

1. BKS thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT. BKS bàn bạc, biểu quyết để quyết định các công việc, nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của BKS thông qua các cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do quy định về tổ chức và hoạt động của BKS quy định. Mỗi thành viên BKS có một phiếu biểu quyết.

2. Quy định chi tiết về cuộc họp BKS, lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua nghị quyết của BKS và/hoặc quyết định các công việc, nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của BKS, nội dung khác liên quan đến tổ chức, hoạt động của BKS được quy định tại quy định về tổ chức và hoạt động của BKS.
3. BKS được sử dụng con dấu của VIB để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.
4. Nhiệm kỳ của BKS là 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên BKS theo nhiệm kỳ của BKS. Nhiệm kỳ của thành viên BKS được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ BKS. BKS của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi BKS của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
5. Cơ cấu của BKS như sau:

(a) BKS gồm Trưởng BKS và thành viên khác của BKS.

(b) BKS có tối thiểu 05 thành viên. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do ĐHĐCĐ quyết định.

6. Danh sách dự kiến những người được bầu làm thành viên BKS phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi bầu các chức danh này. Những người được bầu làm thành viên BKS phải thuộc danh sách đã được NHNN chấp thuận.
7. Việc biểu quyết bầu thành viên BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số Cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS và mỗi Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

   Người trúng cử thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại thể lệ bầu cử do ĐHĐCĐ thông qua.
8. Các thành viên BKS bầu 01 người trong số họ làm Trưởng BKS. BKS bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng BKS theo nguyên tắc đa số.
9. Trưởng BKS sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ BKS trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử BKS nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp BKS.
10. Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Trưởng BKS và thành viên khác của BKS phải được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và quy định khác của VIB.

    Hồ sơ, thủ tục chấp thuận danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm Trưởng BKS và thành viên khác của BKS và báo cáo việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng BKS và thành viên khác của BKS được thực hiện theo quy định của pháp luật và VIB.

    VIB phải thông báo cho NHNN danh sách người được bầu, bổ nhiệm chức danh quy định tại Điều này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bầu, bổ nhiệm.
11. Thay đổi thành viên BKS

(a) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Trưởng BKS bị mất tư cách thành viên BKS, các thành viên BKS có trách nhiệm tổ chức họp BKS để bầu một thành viên (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật Các TCTD và VIB) làm Trưởng BKS.

(b) Trưởng BKS muốn từ chức Trưởng BKS, phải có đơn xin từ chức gửi đến HĐQT và BKS. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn, BKS phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm Trưởng BKS hiện tại và bầu Trưởng BKS mới theo quy định của pháp luật. Việc

từ chức sẽ không có hiệu lực cho tới khi BKS đã thông qua quyết định miễn nhiệm Trưởng BKS.

(c) Thành viên BKS muốn từ chức phải có đơn gửi đến HĐQT và BKS để trình ĐHĐCĐ quyết định. Việc từ chức sẽ không có hiệu lực cho tới khi ĐHĐCĐ đã thông qua quyết định miễn nhiệm thành viên BKS. BKS có quyền quyết định dừng tham gia họp BKS và thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn khác của thành viên BKS có đơn xin từ chức cho đến khi việc từ chức được ĐHĐCĐ thông qua.

(d) Trường hợp BKS có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, VIB phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp có quy định khác theo quyết định của NHNN.

(e) Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của ĐHĐCĐ sẽ bầu thành viên BKS mới để thay thế cho thành viên BKS bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.

12. Những người được bầu giữ chức Trưởng BKS và thành viên khác của BKS có trách nhiệm tiếp nhận và đảm nhiệm ngay công việc của chức danh được bầu. Trưởng BKS và các thành viên khác của BKS hết nhiệm kỳ, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, đương nhiên mất tư cách có trách nhiệm bàn giao công việc cho Trưởng BKS và các thành viên khác của BKS mới được bầu; đồng thời vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

13. BKS có bộ phận kiểm toán nội bộ, bộ phận giúp việc để thực hiện nhiệm vụ của mình.

Điều 50. Nhiệm vụ, quyền hạn của BKS

1. Giám sát hoạt động quản trị, điều hành VIB trong việc tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT; chịu trách nhiệm trước pháp luật, ĐHĐCĐ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Luật Các TCTD, quy định của pháp luật và VIB.

2. Ban hành quy định nội bộ của BKS, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên BKS, kiểm toán viên nội bộ; Ban hành quy chế, quy định, quy trình, các phương pháp thực hiện kiểm toán nội bộ, kế hoạch kiểm toán nội bộ hằng năm theo quy định của pháp luật và phù hợp với yêu cầu kiểm toán nội bộ đảm bảo an toàn hoạt động kinh doanh của VIB; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của BKS, quy định nội bộ của VIB về kế toán, báo cáo. Xây dựng quy định về tổ chức và hoạt động của BKS và trình ĐHĐCĐ thông qua.

3. Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành VIB, có quyền sử dụng các nguồn lực của VIB để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của BKS.

4. Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hằng năm của VIB; báo cáo ĐHĐCĐ về kết quả thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.

5. Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của VIB thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT. Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho ĐHĐCĐ, HĐQT.

6. Giám sát việc chấp hành các quy định về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của VIB.

7. Kiểm tra sổ sách kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của VIB khi xét thấy cần thiết hoặc trong các trường hợp sau đây:

(a) Theo nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ;

(b) Theo yêu cầu của NHNN hoặc của Cổ đông Lớn hoặc nhóm Cổ đông Lớn phù hợp với quy định của pháp luật. Việc kiểm tra được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu

cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu.

Việc kiểm tra của BKS quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của VIB.

8. Khi phát hiện Người quản lý, Người điều hành có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy định nội bộ của VIB, nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho ĐHĐCĐ, HĐQT trong vòng 48 giờ; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).
9. Lập danh sách Cổ đông sở hữu từ 01% Vốn điều lệ trở lên và người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGĐ, Cổ đông sở hữu từ 01% Vốn điều lệ trở lên; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.
10. Đề nghị HĐQT họp bất thường hoặc đề nghị HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ.
11. Triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp HĐQT có quyết định vi phạm nghiêm trọng Luật Các TCTD hoặc vượt quá thẩm quyền được giao hoặc trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
12. Tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ, bộ phận giúp việc của BKS.
13. Kịp thời báo cáo NHNN về các hành vi vi phạm quy định tại các Khoản 6, 8 và 11 Điều này và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp, người có liên quan theo quy định của Luật Các TCTD.
14. Có quyền, thông qua Trưởng BKS, tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của VIB.
15. Đề xuất ĐHĐCĐ quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính và hoạt động của Hệ thống kiểm soát nội bộ trong năm tài chính tiếp theo.
16. Báo cáo hoạt động của BKS và các nội dung khác tại ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định khác của VIB. BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.
17. Giám sát việc phê duyệt cấp tín dụng (trừ các trường hợp không được cấp tín dụng theo quy định của pháp luật hiện hành) đối với công ty con, công ty liên kết của VIB; Cổ đông sáng lập, Cổ đông Lớn, thành viên HĐQT, thành viên BKS, Người điều hành, các chức danh quản lý khác của VIB và những người có liên quan của những người này.
18. Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của VIB.
19. BKS thực hiện giám sát đối với kiểm toán nội bộ bao gồm:

(a) Giám sát, đánh giá việc thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên BKS, kiểm toán viên nội bộ.

(b) Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ trong việc: thực hiện kiểm toán nội bộ; rà soát, đánh giá tính hiệu quả của kiểm toán nội bộ và kết quả thực hiện nhiệm vụ của Trưởng kiểm toán nội bộ; xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế của kiểm toán nội bộ theo yêu cầu, kiến nghị của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác.

(c) Các nội dung khác do BKS quy định.

20. Các nhiệm vụ và quyền quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định khác của VIB.

Điều 51. Quyền được cung cấp thông tin của BKS

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến các thành viên BKS cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT, bao gồm:

(a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và tài liệu kèm theo.

(b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của ĐHĐCĐ, HĐQT.

(c) Báo cáo của TGĐ trình HĐQT hoặc tài liệu khác do VIB phát hành gửi Cổ đông, HĐQT.

2. Thành viên BKS có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của VIB lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của Người quản lý và nhân viên của VIB trong giờ làm việc.

3. HĐQT, Người quản lý, Người điều hành phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của VIB theo yêu cầu của thành viên BKS hoặc BKS.

4. Các nội dung khác thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định khác của VIB.

Điều 52. Quyền, nghĩa vụ của Trưởng BKS

1. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của BKS và chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Trưởng BKS theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của VIB.

2. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp BKS, lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định các công việc của BKS; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp BKS hoặc lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định các công việc của BKS.

3. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của BKS. Giám sát, tổ chức giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của BKS.

4. Thay mặt BKS ký văn bản thuộc thẩm quyền của BKS. Lập và ký báo cáo của BKS (có thể tham khảo ý kiến của HĐQT) để trình ĐHĐCĐ.

5. Thay mặt BKS triệu tập ĐHĐCĐ bất thường quy định tại khoản 5 Điều 30, khoản 11 Điều 50 Điều lệ hoặc đề nghị HĐQT họp bất thường.

6. Tham dự cuộc họp HĐQT, có quyền phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.

7. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp HĐQT nếu ý kiến đó khác với nghị quyết, quyết định của HĐQT và báo cáo trước ĐHĐCĐ.

8. Chuẩn bị kế hoạch làm việc của BKS và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên BKS.

9. Bảo đảm thành viên BKS nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà BKS phải xem xét.

10. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên BKS.

11. Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của BKS thực hiện quyền, nghĩa vụ của Trưởng BKS trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.

12. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định khác của VIB.

Điều 53. Quyền, nghĩa vụ của thành viên BKS

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ, quy định nội bộ của BKS và thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Trưởng BKS để triển khai nhiệm vụ, quyền hạn của BKS một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của VIB và của Cổ đông; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của VIB.

2. Bầu một thành viên BKS làm Trưởng BKS.

3. Yêu cầu Trưởng BKS triệu tập BKS họp bất thường.

4. Kiểm soát hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính của VIB và kiến nghị biện pháp khắc phục.

5. Yêu cầu Người quản lý báo cáo, giải trình về thực trạng tài chính, kết quả kinh doanh của công ty con của VIB, kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và quyết định khác trong quản lý, điều hành VIB.
6. Yêu cầu Người quản lý, Người điều hành, nhân viên của VIB cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.
7. Báo cáo Trưởng BKS về hoạt động tài chính bất thường của VIB và chịu trách nhiệm về đánh giá, kết luận của mình.
8. Tham dự cuộc họp của BKS, thảo luận và biểu quyết về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của BKS, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.
9. Ít nhất một tháng một lần, có văn bản báo cáo Trưởng BKS tình hình, kết quả kiểm soát trong lĩnh vực được phân công cho thành viên đó.
10. Trường hợp phát hiện có thành viên BKS vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến BKS; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.
11. Công khai, báo cáo các lợi ích có liên quan, danh sách người có liên quan cho VIB ngay khi được bầu làm thành viên BKS và ngay khi có thay đổi trong thời gian đương nhiệm, trừ trường hợp pháp luật và/hoặc Điều lệ quy định thời hạn thực hiện dài hơn nhưng phải bảo đảm công khai, báo cáo kịp thời cho VIB để VIB báo cáo và công bố thông tin đúng thời hạn và nội dung theo quy định của pháp luật.
12. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định khác của VIB.

Điều 54. Thù lao và lợi ích khác của thành viên BKS

1. Tổng ngân sách hoạt động hằng năm, tổng mức thù lao và lợi ích khác của BKS do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên. BKS quyết định mức thù lao và lợi ích khác cho từng thành viên.
2. Thành viên BKS được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập và các chi phí phát sinh với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của BKS đã được ĐHĐCĐ chấp thuận, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác.
3. Các khoản chi cho thành viên BKS phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của VIB.

Điều 55. Kiểm toán nội bộ

1. VIB phải thành lập kiểm toán nội bộ thuộc BKS thực hiện kiểm toán nội bộ VIB.
2. Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan về tính thích hợp và sự tuân thủ cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ của VIB; thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan đối với hoạt động của các đơn vị trong hệ thống kiểm soát nội bộ; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, công tác kiểm soát nội bộ, góp phần bảo đảm VIB hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.
3. Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo BKS và gửi HĐQT, TGĐ.

CHƯƠNG 5. TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 56. Tổng Giám đốc

1. TGĐ là người điều hành cao nhất của VIB, chịu sự giám sát của HĐQT, chịu trách nhiệm trước pháp luật, HĐQT về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
2. HĐQT bổ nhiệm TGĐ với nhiệm kỳ không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Danh sách dự kiến người được bổ nhiệm làm TGĐ phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước

khi bổ nhiệm. Người được bổ nhiệm làm TGĐ phải thuộc danh sách đã được NHNN chấp thuận.

VIB phải thông báo cho NHNN người được bổ nhiệm làm TGĐ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bổ nhiệm.

4. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của TGĐ phải được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và quy định khác của VIB.

   Hồ sơ, thủ tục chấp thuận danh sách dự kiến người được bổ nhiệm làm TGĐ và báo cáo việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm TGĐ được thực hiện theo quy định của pháp luật và VIB.

   Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm TGĐ, HĐQT phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo NHNN.

5. Thay đổi TGĐ

(a) Trường hợp khuyết TGĐ (bao gồm nhưng không giới hạn các trường hợp đương nhiên mất tư cách TGĐ, HĐQT miễn nhiệm, bãi nhiệm TGĐ), HĐQT phải bổ nhiệm TGĐ trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày khuyết TGĐ. Trong thời gian khuyết TGĐ, HĐQT phải cử ngay một Phó TGĐ hoặc một Giám đốc Khối/Ban bảo đảm các điều kiện theo quy định của pháp luật để đảm nhiệm công việc của TGĐ và báo cáo bằng văn bản ngay cho NHNN.

(b) TGĐ muốn từ chức phải có đơn xin từ chức gửi HĐQT và BKS.

6. Người được bổ nhiệm TGĐ có trách nhiệm tiếp nhận và đảm nhiệm công việc của chức danh mới được bổ nhiệm; TGĐ cũ có trách nhiệm bàn giao công việc cho TGĐ mới được bổ nhiệm và vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

7. HĐQT quyết định tiền lương và lợi ích khác của TGĐ. Tiền lương của TGĐ và phải thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của VIB và báo cáo tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.

Điều 57. Quyền, nghĩa vụ của TGĐ

1. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định ĐHĐCĐ, HĐQT.
2. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của VIB; quyết định các hoạt động kinh doanh và hoạt động khác không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT, BKS bảo đảm phù hợp với quy định của VIB, ủy quyền của HĐQT.
3. Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả.
4. Lập và trình HĐQT thông qua hoặc báo cáo ĐHĐCĐ thông qua báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác.
5. Ban hành theo thẩm quyền các quy định nội bộ: quy định, quy trình, hướng dẫn để vận hành hệ thống, quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, hệ thống thông tin quản lý.
6. Báo cáo HĐQT, BKS, ĐHĐCĐ và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động và kết quả kinh doanh của VIB.
7. Quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về quyết định đó, kịp thời báo cáo HĐQT.
8. Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức quản lý của VIB trình HĐQT hoặc ĐHĐCĐ theo thẩm quyền.
9. Đề nghị HĐQT họp bất thường.
10. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh quản lý, điều hành của VIB, trừ chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.
11. Ký kết hợp đồng, giao dịch khác nhân danh VIB theo quy định của Điều lệ và quy định nội bộ của VIB.
12. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh của VIB.

13. Tuyển dụng lao động; quyết định lương, thưởng và quyền lợi khác của người lao động theo thẩm quyền.
14. Lập và trình HĐQT thông qua kế hoạch kinh doanh hằng năm, các phương án hoạt động kinh doanh, kế hoạch tài chính hằng năm của VIB.
15. Quy định về lãi suất, tỷ lệ hoa hồng, phạt, mức tiền phạt đối với khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật.
16. Thành lập các Ủy ban/Hội đồng phù hợp với quy định của pháp luật và hoạt động của VIB.
17. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ, các quy định nội bộ của VIB, các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT, hợp đồng lao động ký với VIB.

CHƯƠNG 6. TÀI CHÍNH

Điều 58. Vốn và sử dụng vốn của VIB

1. Vốn của VIB bao gồm vốn chủ sở hữu, vốn huy động, vốn khác theo quy định của pháp luật.
2. VIB được sử dụng vốn để kinh doanh theo quy định của Luật Các TCTD và quy định khác của pháp luật có liên quan.
3. VIB được mua, đầu tư tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động của mình, bảo đảm tỷ lệ giá trị còn lại của tài sản cố định không được vượt quá 50% Vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung Vốn điều lệ ghi trên sổ sách kế toán.

Điều 59. Năm tài chính

Năm tài chính của VIB bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm dương lịch.

Điều 60. Hạch toán, kế toán

VIB phải thực hiện hạch toán, kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các khoản thu, chi và thực hiện các quy định về chế độ hóa đơn, chứng từ kế toán.

Điều 61. Chế độ tài chính

1. VIB tự chủ về tài chính.
2. Chế độ tài chính của VIB được thực hiện theo quy định của Luật Các TCTD và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 62. Phân phối lợi nhuận và các quỹ

1. Phần lợi nhuận còn lại của VIB sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp thì được phân phối theo quy định của Chính phủ và VIB.
2. Hằng năm, VIB phải trích từ lợi nhuận sau thuế để lập và duy trì các quỹ sau đây:

(a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ phải trích lập hằng năm theo tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế. Mức tối đa của quỹ này không được vượt quá mức Vốn điều lệ;

(b) Quỹ dự phòng tài chính;

(c) Quỹ dự trữ khác theo quy định của pháp luật.

3. VIB quản lý và sử dụng các quỹ theo quy định của pháp luật và VIB.
4. Theo quyết định của ĐHĐCĐ và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận còn lại của VIB, nhưng không được vượt quá mức ĐHĐCĐ đã thông qua.
5. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp ĐHĐCĐ thường niên. HĐQT lập danh sách Cổ đông hoặc quyết định một ngày cụ thể để chốt danh sách Cổ đông được nhận cổ tức theo quy định của pháp luật, xác định mức cổ tức được trả đối với từng

Cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức phù hợp để bảo đảm đến Cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong Sổ đăng ký Cổ đông/Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán của VIB chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung theo quy định của pháp luật.

6. VIB không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại Cổ phiếu.
7. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng Cổ phần hoặc bằng tài sản khác theo quyết định của ĐHĐCĐ. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và theo các phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật.
8. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật và VIB.

Điều 63. Kiểm toán độc lập

1. Trước khi kết thúc năm tài chính, VIB phải lựa chọn một trong tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định của pháp luật để kiểm toán báo cáo tài chính, hoạt động của Hệ thống kiểm soát nội bộ trong năm tài chính tiếp theo.
2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập, VIB phải thông báo cho NHNN về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán VIB được phép tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp ĐHĐCĐ mà các Cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của VIB.

Điều 64. Báo cáo và công bố thông tin

1. VIB phải thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê, điều tra thống kê.
2. VIB phải báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ theo quy định của Thống đốc NHNN.
3. Ngoài báo cáo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, VIB có trách nhiệm báo cáo kịp thời cho NHNN trong các trường hợp sau đây:

(a) Phát sinh diễn biến bất thường trong hoạt động nghiệp vụ có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh doanh của VIB;

(b) Trường hợp tại khoản 3 Điều 19 Điều lệ;

(c) Thay đổi tên chi nhánh của VIB;

(d) Tạm ngừng giao dịch dưới 05 ngày làm việc;

(e) Niêm yết Cổ phiếu trên thị trường chứng khoán trong nước.

4. VIB phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật.
5. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, VIB phải gửi báo cáo hằng năm cho NHNN theo quy định của pháp luật.
6. VIB thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử (website) của VIB và/hoặc các phương tiện công bố thông tin khác theo quy định của pháp luật và VIB.

Điều 65. Báo cáo tài chính

1. VIB phải lập báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật và VIB.
2. Các báo cáo tài chính phải được công khai, công bố thông tin và báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và VIB.

Điều 66. Báo cáo của VIB (khi VIB là công ty kiểm soát)

1. Trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, ngoài báo cáo và tài liệu theo quy định của pháp luật, VIB phải lập và gửi cho NHNN báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán.
2. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, VIB phải lập và gửi cho NHNN báo cáo tổng hợp về giao dịch mua, bán, giao dịch khác giữa VIB với công ty con, công ty liên kết của VIB.

CHƯƠNG 7. ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 67. Cán bộ nhân viên và công đoàn

1. Các nội dung liên quan đến cán bộ nhân viên và công đoàn thực hiện theo quy định của VIB.
2. TGĐ phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của VIB với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ, các quy định nội bộ của VIB và quy định pháp luật hiện hành.

Điều 68. Trường hợp giải thể

1. VIB không đề nghị gia hạn hoặc đề nghị gia hạn nhưng không được NHNN chấp thuận bằng văn bản khi hết thời hạn hoạt động.
2. VIB bị thu hồi Giấy phép.
3. VIB tự nguyện giải thể nếu có khả năng thanh toán hết nợ và được NHNN chấp thuận bằng văn bản.
4. VIB được can thiệp sớm hoặc được kiểm soát đặc biệt có tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ.

Điều 69. Thanh lý tài sản của VIB trong trường hợp giải thể

1. VIB phải tiến hành thanh lý tài sản dưới sự giám sát của NHNN và theo trình tự, thủ tục thanh lý tài sản do Thống đốc NHNN quy định.
2. VIB có trách nhiệm thanh toán các chi phí liên quan đến việc thanh lý tài sản.

Điều 70. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của VIB, quyền và nghĩa vụ của các Cổ đông theo quy định pháp luật, Điều lệ hoặc thỏa thuận giữa:

(a) Cổ đông với VIB.

(b) Cổ đông với HĐQT, BKS, TGĐ hay Người điều hành khác.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hoặc Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 21 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Trọng tài, Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Trọng tài, Tòa án.

Điều 71. Cung cấp thông tin

1. VIB cung cấp thông tin cho chủ tài khoản thông tin về giao dịch và số dư trên tài khoản của chủ tài khoản theo thỏa thuận với chủ tài khoản.

2. VIB có trách nhiệm báo cáo NHNN thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh và được NHNN cung cấp thông tin của khách hàng có quan hệ với VIB theo quy định của Thống đốc NHNN.
3. VIB được trao đổi với tổ chức tín dụng khác, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thông tin về hoạt động của VIB, tổ chức tín dụng khác, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
4. Khi thực hiện giao dịch với VIB, khách hàng có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu đó.

Điều 72. Bảo mật thông tin

1. Người quản lý, Người điều hành, nhân viên của VIB không được tiết lộ thông tin khách hàng, bí mật kinh doanh của VIB.
2. VIB phải bảo đảm bí mật thông tin khách hàng của VIB theo quy định của Chính phủ.
3. VIB không được cung cấp thông tin khách hàng của VIB cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

Điều 73. Điều khoản thi hành

1. Điều lệ này thay thế Điều lệ số 1001.BOD Phiên bản 2024(1). Trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức hoặc hoạt động của VIB nhưng chưa được đề cập trong bản Điều lệ hoặc có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của VIB.
2. Người quản lý, Người điều hành và chức danh khác của VIB được bầu, bổ nhiệm trước ngày 01.07.2024 mà không đáp ứng quy định tại các Điều 41, 42 và 43 của Luật Các TCTD và Điều 21 Điều lệ được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bầu, bổ nhiệm.
3. HĐQT được bầu trước ngày 01.07.2024 mà không đáp ứng quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 69 của Luật Các TCTD và điểm b khoản 5 Điều 41 Điều lệ được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ HĐQT.
4. Đến ngày 01.07.2024, BKS có số lượng thành viên chưa tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Luật Các TCTD và điểm b khoản 5 Điều 49 Điều lệ được tiếp tục duy trì số lượng thành viên BKS theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 17/2017/QH14 cho đến hết nhiệm kỳ của BKS, thành viên BKS, trừ trường hợp VIB bầu, bổ nhiệm bổ sung, thay thế thành viên BKS.
5. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ do ĐHĐCĐ quyết định.
6. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch HĐQT/ĐDPL hoặc người được Chủ tịch HĐQT/ĐDPL ủy quyền hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên HĐQT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG VIB	NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐẶNG KHẮC VỸ	HÀN NGỌC VŨ

M.S.D.N: 0100233486 C.T.C.P NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

1001.BOD.2024(2)

Phụ lục 1. Các Chi nhánh của VIB

STT	Ngày thành lập	Tên	Tỉnh/Thành phố
1	17/12/1999	Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Hồ Chí Minh
2	07/08/2002	Chi nhánh Cầu Giấy	Hà Nội
3	26/11/2002	Chi nhánh Đống Đa	Hà Nội
4	28/10/2003	Chi nhánh Gò Vấp	Hồ Chí Minh
5	21/01/2004	Chi nhánh Hai Bà Trưng	Hà Nội
6	13/04/2004	Chi nhánh Ba Đình	Hà Nội
7	23/04/2004	Chi nhánh Kỳ Hòa	Hồ Chí Minh
8	18/06/2004	Chi nhánh Hải Phòng	Hải Phòng
9	01/07/2004	Chi nhánh Trung Hòa	Hà Nội
10	12/09/2004	Chi nhánh Bình Thạnh	Hồ Chí Minh
11	29/09/2004	Chi nhánh Quận 2	Hồ Chí Minh
12	30/11/2004	Chi nhánh Tân Bình	Hồ Chí Minh
13	07/12/2004	Chi nhánh Đà Nẵng	Đà Nẵng
14	27/12/2004	Chi nhánh Sở Giao Dịch	Hà Nội
15	05/04/2005	Chi nhánh Hà Nội	Hà Nội
16	08/04/2005	Chi nhánh Quận 10	Hồ Chí Minh
17	09/05/2005	Chi nhánh Nha Trang	Khánh Hòa
18	11/05/2005	Chi nhánh Quảng Ninh	Quảng Ninh
19	27/05/2005	Chi nhánh Quận 1	Hồ Chí Minh
20	11/07/2005	Chi nhánh Thanh Khê	Đà Nẵng
21	21/07/2005	Chi nhánh Long Biên	Hà Nội
22	26/07/2005	Chi nhánh Cần Thơ	Cần Thơ
23	16/08/2005	Chi nhánh Hồng Bàng	Hải Phòng
24	18/10/2005	Chi nhánh Đồng Nai	Đồng Nai
25	10/11/2005	Chi nhánh Bình Dương	Bình Dương
26	11/11/2005	Chi nhánh Quận 11	Hồ Chí Minh
27	04/12/2005	Chi nhánh Thành Đô	Hồ Chí Minh
28	02/08/2006	Chi nhánh Hải Dương	Hải Dương
29	02/08/2006	Chi nhánh Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc
30	10/10/2006	Chi nhánh An Giang	An Giang
31	12/10/2006	Chi nhánh Vũng Tàu	Bà Rịa-Vũng Tàu

1001.BOD.2024(2)

STT	Ngày thành lập	Tên	Tỉnh/Thành phố
32	27/10/2006	Chi nhánh Vinh	Nghệ An
33	30/01/2007	Chi nhánh Quảng Ngãi	Quảng Ngãi
34	07/02/2007	Chi nhánh Hà Đông	Hà Nội
35	09/02/2007	Chi nhánh Sài Gòn	Hồ Chí Minh
36	18/06/2007	Chi nhánh Thanh Hóa	Thanh Hóa
37	11/07/2007	Chi nhánh Bình Định	Bình Định
38	08/08/2007	Chi nhánh Huế	Thừa Thiên Huế
39	28/08/2007	Chi nhánh Đắk Lắk	Đắk Lắk
40	20/09/2007	Chi nhánh Kiên Giang	Kiên Giang
41	16/10/2007	Chi nhánh Thái Nguyên	Thái Nguyên
42	16/10/2007	Chi nhánh Việt Trì	Phú Thọ
43	26/03/2008	Chi nhánh Cẩm Phả	Quảng Ninh
44	21/07/2008	Chi nhánh Cà Mau	Cà Mau
45	23/07/2008	Chi nhánh Đồng Tháp	Đồng Tháp
46	30/07/2008	Chi nhánh Lâm Đồng	Lâm Đồng
47	07/08/2008	Chi nhánh Tây Ninh	Tây Ninh
48	18/08/2008	Chi nhánh Lý Thường Kiệt	Hà Nội
49	06/11/2008	Chi nhánh Thái Bình	Thái Bình
50	18/09/2017	Chi nhánh Nguyễn Văn Trỗi	Hồ Chí Minh
51	28/07/2020	Chi nhánh Biên Hòa	Đồng Nai
52	12/12/2020	Chi nhánh Sông Bé	Bình Dương
53	19/04/2022	Chi nhánh Hưng Phú	Cần Thơ
54	05/05/2022	Chi nhánh Bình Chánh	Hồ Chí Minh
55	04/07/2022	Chi nhánh Tiền Giang	Tiền Giang
56	06/07/2022	Chi nhánh Hóc Môn	Hồ Chí Minh
57	07/07/2022	Chi nhánh Nhà Bè	Hồ Chí Minh
58	05/10/2023	Chi nhánh Phú Mỹ	Bà Rịa – Vũng Tàu
59	01/11/2023	Chi nhánh Đan Phượng	Hà Nội
60	14/11/2023	Chi nhánh Nghi Sơn	Thanh Hóa
61	29/12/2023	Chi nhánh Gia Lâm	Hà Nội
62	30/12/2023	Chi nhánh Bắc Ninh	Bắc Ninh